

Bản án số: 41/2024/HS-PT

Ngày 09/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và bà Quách Thị Phương Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Phùng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn C**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; ĐKKHKT và trú tại: **Khu A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964. Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố H; Có mặt.

Bị hại: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995, trú tại: **thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964, trú tại: **Khu A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương**; Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh **Trần Anh T1**, anh **Vũ Quý N** và anh **Nguyễn Văn L**; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H quen biết nhau thông qua mạng xã hội Litmatch từ ngày 20/4/2023, sau đó nảy sinh tình cảm nam nữ và cùng sinh sống tại nơi ở của chị H ở phòng E chung cư N, P. P, TP H. Đến ngày 27/5/2023, do có mâu thuẫn về tình cảm nên chị H về nhà ở xã T, còn C về nhà tại khu A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trong khoảng thời gian này, C thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho chị H để nói lại tình cảm nhưng chị H không đồng ý và tránh gặp mặt. Ngày 03/6/2023, thấy chị H đăng bài quảng cáo bán bột sắn dây trên mạng xã hội Facebook (viết tắt Fb) nên Công đổi tên F của mình từ “Biindepzaii” thành tên “Hoàng Văn T2” rồi nhắn tin đến Fb của chị H là: “Nguyễn Thu H1” để hỏi mua 04kg bột sắn dây mục đích gặp, đưa chị H1 về ở nhà C. C hẹn chị H1 giao nhận hàng ở cổng khu biệt thự Đ, thuộc đường T, thành phố H vào 13h ngày 04/6/2023. Tưởng là khách đặt mua hàng nên chị H1 đồng ý. Tối ngày 03/6/2023, C vào mạng Fb thuê anh Trần Văn T3 ở phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương là lái xe dịch vụ chở C lên TP H vào ngày 04/6/2023, anh T3 đồng ý. Khoảng 11h ngày 04/6/2023, anh T3 điều khiển xe Hyundai Accent màu đen, biển số: 34A-397.94 đến nhà C. C cầm theo một balo màu đen bên trong có 01 con dao bằng kim loại màu đen, dạng dao phay, dài 26cm, bản rộng 6,5cm, có lưỡi sắc; 01 chiếc kéo bằng kim loại, dài 21cm, có 2 lưỡi sắc nhọn, có 2 tay cầm vỏ màu đỏ; 01 cuộn băng dính bản rộng 5cm, màu trắng đục để đe dọa bắt ép đưa chị H1 về nhà C cùng sinh sống. Trên đường đi C nói với anh T3 lên thành phố H đón vợ, vợ chồng C đang trực trặc và bảo anh T3 nếu trên xe vợ chồng C có to tiếng cãi nhau hay vấn đề gì thì anh T3 không được can thiệp, chỉ tập trung lái xe. C sử dụng mạng xã hội Z gọi điện cho anh Vũ Quý N, C nói: “tí anh về anh đón, ra ngoài đi hộ anh xe của vợ anh về chung cư để đó cho anh”, anh N đồng ý. Rồi C lấy cuộn băng dính ra để xuống dưới sàn xe trước hàng ghế sau để sử dụng khi chị H1 kêu cứu. C hướng dẫn anh T3 chở đến quán bia đón anh N. Anh N lên xe ngồi ở ghế phụ cạnh bên lái, C ngồi ở hàng ghế sau rồi Công chỉ đường cho anh T3 đi ra cổng khu biệt thự Đ. Trên đường đi C vào F nhắn tin hỏi chị H1 đã ra địa điểm giao hàng chưa. Chị H1 nhắn lại là “đang đi”. Khi chị H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đen đỏ, BKS: 34B3-52857 đến đứng đợi ở lối rẽ vào cổng khu biệt thự Đình Long thì C bảo anh T3 điều khiển xe song song, gần với xe mô tô của chị H1, Lúc này, chị H1 đang đứng tựa vào yên xe thì C mở cửa xe ô tô đi từ phía sau chị H1, dùng tay

phải túm vào cổ áo khoác chống nắng chị H1 đang mặc, rồi lôi mạnh chị H1 ra phía cửa sau ô tô bên phải đang mở, đẩy chị H1 vào hàng ghế sau, chị H1 túm vào vai tựa của ghế nên C không đẩy được vào xe. Cùng lúc đó, N xuống xe, C bảo N mang xe mô tô của chị H1 về chung cư N gửi. C túm cổ áo chị H1 rồi ngồi vào ghế sau xe lôi mạnh chị H1 lên xe, đẩy chị H1 vào ngồi ở ghế giáp cửa bên trái, chị H1 túm vào vai tựa ghế phụ phía trước nên C không lôi được. Do bị C túm cổ áo nên chị H1 ngồi xuống ghế sau ô tô bên cạnh cửa phải. C bảo anh T3 lái xe chở về nhà C. Anh T1 điều khiển xe đi theo hướng về phía đường N. Chị H1 kêu to: “Bỏ em ra” thì C nói: “câm mồm lại”. Sau đó, C vòng tay phải qua gáy chị H1 rồi bịt mồm chị H1 lại. C nói: “Con chó này, bố mày bỏ việc từ Yên Bái về đây với mày, mày chết thì mày cũng phải làm ma của nhà tao”. Chị H1 hất tay C đang giữ miệng ra rồi bảo anh T1: “Anh ơi, anh cho em xuống, anh cứu em, cho em về Công an tỉnh, không nó giết em mất”, anh T1 nói: “2 đứa nói chuyện giải quyết đi”. Do chị H1 kêu to nên C lấy cuộn băng dính ở sàn xe, quấn qua miệng, vòng quanh đầu chị H1, chị H1 dùng tay tháo băng dính ra, nói: “Bây giờ anh muốn nói chuyện gì thì nói đi, giải quyết cho xong đi”, C nói: “tại sao mày làm thế với tao, mày tránh mặt tao”. Chị H1 nói: “anh làm gì thì anh phải nghĩ, anh bắt em, giữ em thế này”. Quá trình xe di chuyển về K, C vẫn quàng tay giữ cổ chị H1 để không cho chị H1 mở cửa xuống xe bỏ chạy làm chị H1 bị xây xước da vùng má phải. Chị H1 nhiều lần nói với anh T1: “Anh cho em xuống xe, hôm nay em có làm sao thì anh cũng phải là người chịu trách nhiệm” thì C nói: “đây là chuyện của tao, anh lái xe chỉ biết làm theo lời của tao”. Khi xe đi qua cầu Mây đến đoạn thuộc thị xã K, chị H1 giăng chiếc điện thoại C đang cầm trên tay đập vào cửa xe, mục đích để anh T1 dừng lại cho chị H1 xuống chạy thoát khỏi C thì C giăng điện thoại ngăn lại. Thấy vậy, anh T1 nói: “Lên đoạn trên thì anh dừng”, khi đi qua Cầu M thì anh T1 dừng xe và không đồng ý chờ nữa nên C đẩy chị H1 xuống xe và vẫn dùng tay giữ chị H1, chị H1 kêu lên: “Bỏ em ra, anh bị điên à” nhưng C không bỏ ra mà kéo chị H1 ra bờ ruộng. Anh T1 gọi điện cho bạn là Nguyễn Văn L cùng đến hỗ trợ can ngăn. Khoảng 10 phút sau, anh L đi xe ô tô nhãn hiệu Kia K3, biển số: 34A - 616.10 đến, anh T1 và anh L kiểm tra ba lô của C để ở sàn xe hàng ghế sau, thấy bên trong có 01 con dao (dạng dao phay) bằng kim loại màu đen dài khoảng 35cm chuôi dao bằng kim loại liền với lưỡi, bản lưỡi rộng khoảng 7cm, lưỡi dao sắc, 01 (một) chiếc kéo dài 21cm, đầu và lưỡi sắc nhọn. Anh Tú cất chiếc ba lô vào cốp xe khóa lại, sau đó cùng anh L ra chỗ C và chị H1 đang ở bờ ruộng và nói: “Có gì thì 2 em giải quyết với nhau”, chị H1 túm vào tay anh L nói: “Anh ơi cứu em với”, anh L bảo: “cứ bình tĩnh” nên chị H1 đi theo anh T1, anh L ra chỗ đỗ xe ô tô trên đường. C đi theo sau, chị H1 chạy ra giữa đường chặn được xe

máy của 01 người thanh niên (không xác định được tên, địa chỉ), chị H1 bảo: “Anh ơi cứu em với, nó định giết em” rồi ngồi lên sau xe máy, ôm vào người anh thanh niên để C không kéo xuống được thì C cũng ngồi lên xe phía sau chị H1. Chị H1 bảo người thanh niên chở ra chỗ đông người để họ can ngăn C, khi người thanh niên điều khiển xe đi được khoảng 500 mét đến một quán bia cạnh đường, chị H1 thấy có 3 thanh niên nằm võng và vài người dân đi đường nên bảo người thanh niên dừng lại và bảo những người ở đó: “Mọi người cứu em với”, chị H1 kể với những người này là bị C bắt lên xe đưa đi. Anh L1, anh T1 cũng đi xe ô tô theo sau đến quán bia. Chị H1 ra mở cửa lên xe của anh T1 nhưng C cũng lên xe nên chị H1 lại xuống xe chạy vào quán bia thứ 2 gần đó nói với một người thanh niên: “Anh ơi cứu em với” thì C đi vào nói: “Việc riêng của em, không ai được can thiệp”, người thanh niên ở quán bia thứ 2 nói với H1: “Cứ ở lại đây”. Sau đó, C đi lên xe của anh T1, thấy vậy anh T1 điều khiển xe đi để C không bắt chị H1 nữa. Thấy anh T1 bỏ đi, chị H1 nhờ anh L1 chở đến Công an thành phố H trình báo nội dung sự việc. Anh Tú chở C về chung cư N để C cất xe cho H1 rồi chở C đến Công an thành phố H khai nhận nội dung sự việc.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 227 ngày 07/7/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y kết luận:

1. Các kết quả chính: Vết xây xước da vùng má phải. Hiện để lại vết thâm màu vùng má phải.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị H tại thời điểm giám định là: Không có mục xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể trong Thông tư.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Bắt người trái pháp luật”. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngày 24/01/2024, bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm bị cáo đã gây ra thấy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 08 (tám) tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp khoản tiền án phí sơ thẩm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp, vì vậy không có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị cáo **C** có đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 ngày 04/6/2023, tại khu vực trước cổng biệt thự **D**, thuộc đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương, **Nguyễn Văn C** là người không có thẩm quyền, không có chức năng nhiệm vụ, chị **Nguyễn Thị H** không có hành vi vi phạm pháp luật nhưng do mâu thuẫn trong chuyện tình cảm với chị **H** nên **C** đã có hành vi túm, lôi, không ché, ép chị **H** lên xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 34A- 397.94 do anh **Trần Văn T3** điều khiển mục đích đưa chị **H** về nhà của **C** ở khu A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Nguyễn Văn C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được bản thân không có thẩm quyền bắt người nhưng **C** đã có hành vi túm, lôi, không ché, ép bắt bị hại chị **Nguyễn Thị H** lên xe Taxi để đi về nhà **C** ở khu A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giải quyết việc tình cảm giữa chị **H** và **C**. Trên đường đi **C** còn dùng băng dính quấn qua miệng, vòng quanh đầu chị **H**. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn C** là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền tự do cá nhân mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn C** đã phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tội danh bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo **C** hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo **C** xuất trình biên lai nộp khoản tiền án phí sơ thẩm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo **C** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn C**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo **C**.

2. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 347 BLTTHS do bản án có hiệu lực pháp luật nên cần bắt tạm giam bị cáo ngay khi tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn C** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/4/2024.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TANDTC
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TP H;
- Cơ quan CSĐT, THAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo, bị hại;
- Cơ quan HSNV- CA tỉnh HD;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tuấn